

Số: 13/2024/NQ-HĐND

Hậu Giang, ngày 24 tháng 7 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Hậu Giang

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG
KHÓA X KỲ HỌP THỨ 21**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Xét Tờ trình số 69/Tr-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Hậu Giang; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Điều 2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 06/2018/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Đối với tài sản công đã có quyết định mua sắm, thuê, xử lý của cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại Quyết định mua sắm, thuê, xử lý của cơ quan, người có thẩm quyền.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

Điều 4. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang khóa X Kỳ họp thứ 21 thông qua ngày 24 tháng 7 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 03 tháng 8 năm 2024. /

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Quản trị II; Cục Hành chính - Quản trị II;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra VBQPPL);
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN và các đoàn thể tỉnh;
- VP. Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh;
- Sở, ban, ngành tỉnh;
- HĐND, UBND, UBMTTQ VN cấp huyện;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.KX. 

CHỦ TỊCH



Trần Văn Huyền



QUY ĐỊNH

**Về phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công
thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Hậu Giang**

(Kèm theo Nghị quyết số 13/2024/NQ-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2024
của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Hậu Giang đối với việc mua sắm tài sản công, thuê, xử lý tài sản công và phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động dự án sử dụng vốn nhà nước.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan nhà nước;

b) Đơn vị sự nghiệp công lập;

c) Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội;

d) Văn phòng: Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện;

đ) Cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện mua sắm tài sản của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước đối với nguồn kinh phí thuộc phạm vi quản lý của địa phương;

e) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc sử dụng vốn nhà nước theo quy định để mua sắm tài sản công, nhằm duy trì hoạt động thường xuyên;

g) Nghị quyết này không áp dụng đối với các đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc Văn phòng Tỉnh ủy.

Điều 2. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công

1. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục quyết định mua sắm tài sản công trong trường hợp phải lập thành dự án đầu tư được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật có liên quan.

2. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công trong trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này, được phân cấp như sau:



a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh: Quyết định mua sắm trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô các loại; tài sản công khác có giá trị từ 01 tỷ đồng trở lên trên 01 đơn vị tài sản hoặc cho 01 lần mua sắm (01 dự toán mua sắm).

b) Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, đoàn thể tỉnh và tương đương: Quyết định mua sắm tài sản công (trừ điểm a khoản 2 Điều này) có giá trị dưới 01 tỷ đồng trên 01 đơn vị tài sản hoặc cho 01 lần mua sắm (01 dự toán mua sắm) cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố: Quyết định mua sắm tài sản công (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô) có giá trị từ 200 triệu đồng trở lên trên 01 đơn vị tài sản hoặc cho 01 lần mua sắm (01 dự toán mua sắm) cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị (bao gồm mua sắm tài sản từ nguồn ngân sách nhà nước phục vụ hoạt động của Văn phòng: Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện) thuộc phạm vi quản lý.

d) Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc sở, ban, ngành tỉnh, đoàn thể tỉnh và tương đương; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố (bao gồm Văn phòng: Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện mua sắm tài sản từ nguồn ngân sách nhà nước phục vụ hoạt động của đơn vị); Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn: Quyết định mua sắm tài sản công (trừ điểm a khoản 2 Điều này) có giá trị dưới 200 triệu đồng trên 01 đơn vị tài sản hoặc cho 01 lần mua sắm (01 dự toán mua sắm) cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

đ) Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định mua sắm tài sản công (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô) từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo chế độ quy định để phục vụ cho các hoạt động sự nghiệp và hoạt động kinh doanh của đơn vị.

e) Thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước đối với nguồn kinh phí thuộc phạm vi quản lý của địa phương: Thực hiện theo quy định tại điểm a, b, c, d, đ khoản 2 Điều này.

Điều 3. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh: Quyết định thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; tài sản khác có giá trị từ 01 tỷ đồng trở lên tính cho cả thời gian thuê cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, đoàn thể tỉnh và tương đương: Quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của đơn vị (trừ khoản 1 Điều này) có giá trị dưới 01 tỷ đồng tính cho cả thời gian thuê cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố: Quyết định thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; tài sản khác có giá trị từ 200 triệu đồng

trở lên tính cho cả thời gian thuê phục vụ hoạt động cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị (bao gồm thuê tài sản từ nguồn ngân sách nhà nước phục vụ hoạt động của Văn phòng: Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện) thuộc phạm vi quản lý.

4. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc sở, ban, ngành tỉnh, đoàn thể tỉnh và tương đương; thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố (bao gồm Văn phòng: Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện thuê tài sản từ nguồn ngân sách nhà nước phục vụ hoạt động của đơn vị); Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn: Quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của đơn vị (trừ khoản 1 Điều này) có giá trị dưới 200 triệu đồng tính cho cả thời gian thuê cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

5. Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định việc thuê tài sản từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo chế độ quy định để phục vụ cho các hoạt động sự nghiệp và hoạt động kinh doanh của đơn vị.

Điều 4. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công

Phân cấp thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 41 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công như sau:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh: Quyết định thu hồi trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô các loại; tài sản công khác có nguyên giá từ 01 tỷ đồng trở lên trên 01 đơn vị tài sản.

2. Giám đốc Sở Tài chính: Quyết định thu hồi tài sản công (trừ khoản 1 Điều này) tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị nhà nước trên địa bàn tỉnh.

3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, đoàn thể tỉnh và tương đương: Quyết định thu hồi tài sản công (trừ khoản 1 Điều này) tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố: Quyết định thu hồi tài sản công (trừ khoản 1 Điều này) tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị (bao gồm thu hồi tài sản công được nhà nước giao bằng hiện vật và tài sản được đầu tư xây dựng, mua sắm từ ngân sách tại Văn phòng: Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện) thuộc phạm vi quản lý.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công

Phân cấp thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 42 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công như sau:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh: Quyết định điều chuyển trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô; tài sản công khác có nguyên giá từ 01 tỷ đồng trở lên trên 01 đơn vị tài sản.

2. Giám đốc Sở Tài chính: Quyết định điều chuyển tài sản công (trừ khoản 1 Điều này) giữa các sở, ngành; giữa tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố, cấp xã; giữa các huyện, thị xã, thành phố.

3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, đoàn thể tỉnh và tương đương: Quyết định điều chuyển tài sản công (trừ khoản 1 Điều này) tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố: Quyết định điều chuyển tài sản công (trừ khoản 1 Điều này) tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị (bao gồm điều chuyển tài sản công được nhà nước giao bằng hiện vật và tài sản được đầu tư xây dựng, mua sắm từ ngân sách nhà nước tại Văn phòng: Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện) thuộc phạm vi quản lý.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công

Phân cấp thẩm quyền quyết định bán tài sản công trong các trường hợp quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 43 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công như sau:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh: Quyết định bán trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô các loại; tài sản công khác có nguyên giá từ 01 tỷ đồng trở lên trên 01 đơn vị tài sản.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, đoàn thể tỉnh và tương đương: Quyết định bán tài sản công (trừ khoản 1 Điều này) có nguyên giá dưới 01 tỷ đồng trên 01 đơn vị tài sản tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố: Quyết định bán tài sản công (trừ khoản 1 Điều này) tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị (bao gồm bán tài sản công được Nhà nước giao bằng hiện vật và tài sản được đầu tư xây dựng, mua sắm từ ngân sách nhà nước tại Văn phòng: Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện) thuộc phạm vi quản lý.

4. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc sở, ban, ngành tỉnh, đoàn thể tỉnh và tương đương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố (bao gồm Văn phòng: Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện bán tài sản công được nhà nước giao bằng hiện vật và tài sản được đầu tư xây dựng, mua sắm từ ngân sách nhà nước): Quyết định bán tài sản công (trừ khoản 1 Điều này) có nguyên giá dưới 100 triệu đồng trên 01 đơn vị tài sản.

5. Riêng tài sản được hình thành từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hoặc từ nguồn gốc vốn vay, vốn huy động theo quy định (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô), người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định bán.

Điều 7. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công

Phân cấp thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 45 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công như sau:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh: Quyết định thanh lý tài sản công là nhà làm việc, công trình sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất và tài sản công khác có nguyên giá từ 01 tỷ đồng trở lên trên 01 đơn vị tài sản; xe ô tô các loại.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, đoàn thể tỉnh và tương đương: Quyết định thanh lý tài sản công là nhà làm việc, công trình sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất và tài sản công khác có nguyên giá dưới 01 tỷ đồng trên 01 đơn vị tài sản (trừ khoản 1 Điều này).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố: Quyết định thanh lý tài sản công là nhà làm việc, công trình sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất và tài sản công khác có nguyên giá dưới 01 tỷ đồng trên 01 đơn vị tài sản (trừ khoản 1 Điều này) tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị (bao gồm thanh lý tài sản công được nhà nước giao bằng hiện vật và tài sản được đầu tư xây dựng, mua sắm từ ngân sách nhà nước tại Văn phòng: Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện) thuộc phạm vi quản lý.

4. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc sở, ban, ngành tỉnh, đoàn thể tỉnh và tương đương; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố (bao gồm Văn phòng: Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện thanh lý tài sản công được nhà nước giao bằng hiện vật và tài sản được đầu tư xây dựng, mua sắm từ ngân sách nhà nước); Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn: Quyết định thanh lý tài sản công (trừ tài sản công là nhà làm việc, công trình sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất; xe ô tô các loại) có nguyên giá dưới 100 triệu đồng trên 01 đơn vị tài sản.

5. Riêng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc sở, ban, ngành tỉnh, đoàn thể tỉnh và trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố: Quyết định thanh lý tài sản công (trừ tài sản công là nhà làm việc, công trình sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất; xe ô tô các loại; tài sản công khác có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản).

Điều 8. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh: Quyết định tiêu hủy tài sản công có nguyên giá từ 01 tỷ đồng trở lên trên 01 đơn vị tài sản.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, đoàn thể tỉnh và tương đương: Quyết định tiêu hủy tài sản công (trừ khoản 1 Điều này) có nguyên giá dưới 01 tỷ đồng trên 01 đơn vị tài sản tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố: Quyết định tiêu hủy tài sản công dưới 01 tỷ đồng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị (bao gồm tiêu hủy tài sản công được nhà nước giao bằng hiện vật và tài sản được đầu tư xây dựng, mua sắm từ ngân sách nhà nước tại Văn phòng: Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện) thuộc phạm vi quản lý.

Điều 9. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh: Quyết định xử lý tài sản công là nhà làm việc, công trình sự nghiệp; xe ô tô các loại; tài sản công khác có nguyên giá từ 01 tỷ đồng trở lên trên 01 đơn vị tài sản.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, đoàn thể tỉnh và tương đương: Quyết định xử lý tài sản công (trừ khoản 1 Điều này) có nguyên giá dưới 01 tỷ đồng trên 01 đơn vị tài sản tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố: Quyết định xử lý tài sản công (trừ khoản 1 Điều này) tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị (bao gồm xử lý tài sản công được nhà nước giao bằng hiện vật và tài sản được đầu tư xây dựng, mua sắm từ ngân sách nhà nước tại Văn phòng: Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện) thuộc phạm vi quản lý.

Điều 10. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động dự án sử dụng vốn nhà nước

Việc phê duyệt phương án điều chuyển tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước cho cơ quan, tổ chức đơn vị, dự án thuộc phạm vi quản lý của địa phương; bán, thanh lý, tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại thì thẩm quyền thực hiện theo quy định tại Điều 5, 6, 7, 8, 9 Nghị quyết này.